TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chìu;

2. Ông Lê Việt Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn T, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh Ch tại xã H, huyện K, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ch không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời, uống rượu. Khi chị tham gia góp ý anh không nghe mà còn

đánh chửi chị. Tháng 6 năm 2017, chị về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã Ph, huyện Ph, tỉnh Hòa Bình sống, cũng từ đó hai người không gặp gỡ, không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Ch có 02 con là Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày ...2013 và Nguyễn Đình Anh M, sinh ngày...2016, hiện anh Ch đang nuôi dưỡng cả 2 con. Sau khi ly hôn, chị đề nghị để anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng con, chị sẽ cấp dưỡng cho con nếu anh Ch có yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Ch trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị L trình bày, còn về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định là do chị L lười lao động, thích chơi, khi gia đình khuyên bảo thì giận dỗi bỏ nhà đi, sau đó lại quay về xin lỗi, do thương con anh tha thứ cho chị, nhưng do quá nhiều lần như vậy nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, khi chán nản anh có uống rượu nhưng chưa bao giờ đánh, chửi chị L. Cuối năm 2017 chị L tự ý bỏ nhà đi, từ đó hai người không gặp gỡ, không quan tâm đến nhau. Quan điểm của anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị quay lại đoàn tụ, nếu chị L vẫn xin ly hôn thì anh nhất trí. Hiện anh làm thợ xây, thu nhập ổn định từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng, anh đề nghị giao cả 2 con cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Cả chị L, anh Ch đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương xã H cung cấp: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung giữa chị L và anh Ch đúng như anh Ch trình bày. Chính quyền địa phương xác định hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân nhau đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định của pháp luật và giao cả hai con cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên Tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Ch; giao hai con cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chị nhất trí việc anh Ch không yêu cầu chị cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử chấp nhân yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Nguyễn Đình Ch; giao cả hai con cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận

sự tự nguyện của anh Ch không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con; chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Ch đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh không đến; Tòa án đã về tận gia đình để lấy lời khai của anh; chị L đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh Ch vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Đình Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện K nơi sinh sống của anh Ch tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị L và anh Ch là hợp pháp.

[3] Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh Ch đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ, nếu chị L vẫn xin ly hôn thì anh nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị L về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2017, từ đó hai người không gặp gỡ, không quan tâm đến nhau; anh Ch đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ song thực tế anh không đến tham gia phiên hòa giải, không đến làm việc theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, hai người đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung với nhau; nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn anh Ch.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh Ch có 02 con là Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày...2013 và Nguyễn Đình Anh M, sinh ngày...2016, hiện anh Ch đang nuôi cả hai con. Anh Ch đề nghị được tiếp tục nuôi hai con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con, chị L nhất trí. Xét thấy, kể từ khi hai người mâu thuẫn, chị L về ở cùng bố mẹ đẻ thì anh Ch đã trực tiếp nuôi con, hiện các cháu phát triển bình thường; anh Ch có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định, đủ

điều kiện nuôi dạy con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; chấp nhận sự tự nguyện của anh Ch không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Bùi Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Nguyễn Đình Ch.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Nguyễn Đình Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con là Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày..2013 và Nguyễn Đình Anh M, sinh ngày...2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh Ch không yêu cầu chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005046, ngày 14 tháng 3 năm 2019.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Bùi Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/5/2019; anh Nguyễn Đình Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, H.K;
- UBND x.Ph, H.Ph;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân